CHƯƠNG VII
ĐỊNH: SÁU TÙY NIỆM
(Cha-anussati-niddesa)

NGHĨA TÙY NIỆM

- Niệm (*sati*) là tưởng niệm hay tùy niệm (*anussati*) vì nó khởi lên luôn luôn; hoặc niệm thích hợp (*anurūpa*) cho một thiện gia nam tử xuất gia vì lòng tin. Niệm có mặt trong những trường hợp cần thiết gọi là tùy niệm (*anussati*).

MƯỜI TÙY NIỆM

1) Tùy niệm khởi lên có cảm hứng từ đức Phật gọi là niệm ***Phật***.
2) Tùy niệm khởi lên có cảm hứng từ Pháp gọi là niệm ***Pháp***.
3) Tùy niệm khởi lên có cảm hứng từ Tăng gọi là niệm ***Tăng***.
4) Tùy niệm khởi lên có cảm hứng từ giới gọi là niệm ***giới***.
5) Tùy niệm khởi lên có cảm hứng từ bố thí gọi là niệm ***thí***.
6) Tùy niệm khởi lên có cảm hứng từ chư thiên gọi là niệm ***thiên***.
7) Tùy niệm khởi lên có cảm hứng từ cái chết gọi là niệm ***tử***.
8) Thân hành niệm (*kāya-gatā sati*): niệm ấy đi đến (*gata*) cái thân vật chất (*kāya*) được phân tích thành tóc... hoặc niệm đi vào trong thân, nên gọi là ***thân*** hành niệm.
9) Tùy niệm có cảm hứng hơi thở ra vào gọi là niệm ***hơi thở***.
10) Tùy niệm có cảm hứng từ sự bình an gọi là niệm ***diệt***.

I. NIỆM PHẬT

a. Khởi tâm tu tập "Niệm Phật":

- *Một thiền giả có niềm tin tuyệt đối muốn tu tập tùy niệm về đấng Giác Ngộ, thì nên độc cư tại trú xứ thích hợp và tưởng niệm đức tính đặc biệt của đấng Giác Ngộ, như sau:*

"Đức Thế Tôn là bậc A-la-hán, chánh đẳng giác, đầy đủ minh và hạnh, đấng thiện thệ, đấng hiểu rõ thế gian, bậc vô thượng sĩ, bậc điều phục những người đáng điều phục, bậc thầy của chư thiên và loài người, Phật, Thế Tôn".

b. Cách thức niệm:

"Đức Thế Tôn là như vậy vì Ngài là A-la-hán, Ngài như vậy vì Ngài hoàn toàn giác ngộ.... Ngài như vậy vì Ngài là Thế Tôn".

1) A-la-hán (Arahanta)

- *Thế Tôn là bậc A-la-hán hay bậc viên mãn vì 5 lý do:*

i. ***Vì sự xa xôi (āraka)***

ii. ***Vì những kẻ thù (ari)***

iii. ***Những căm xe (ara) đã bị phá huỷ (hata)***

iv. ***Vì Ngài xứng đáng với những đồ cúng dường (arahati)***

v. ***Và vì không có các ác hạnh thầm kín (rahābhāva)***

i) Sự xa xôi (āraka)

- Ngài hoàn toàn ***xa xôi***, tách rời hẳn ***mọi cấu uế*** vì Ngài đã triệt hết những dấu vết của nhiễm ô nhờ chánh đạo. Do sự xa vời đó (*āraka*), Ngài được gọi là viên mãn (*arahanta*).
- Một người gọi là "*xa xôi*" với cái gì vì người ấy hoàn toàn không có cái ấy. Bậc Cứu thế cũng vậy không tỳ vết, nên đáng được gọi là đấng viên mãn (*arahanta*).

ii) Những kẻ thù (ari)

- Và những kẻ thù (*ari*) tức là những ô nhiễm, đều được hủy diệt (*hata*) bởi đạo lộ, nên Ngài đã được gọi là người đã hoàn tất, xong việc (*arahants*).

iii) Những căm xe đã bị phá huỷ

- Bánh xe luân hồi với trục làm bằng ***vô minh*** và ***khát ái***, với căm xe gồm ***các hành***, và vành xe là ***già chết*** được nối liền với chiếc xe ba cõi bằng cái càng xe làm bằng ***nguồn gốc các lậu hoặc***, đã được quay từ thời gian vô thủy.
- Tất cả những căm xe (*ara*) này đã bị Ngài hủy hoại (*hata*) tại Bồ-đề tràng, khi Ngài đứng vững với hai chân tinh tấn trên đất ***giới***, với tay ***tín*** Ngài sử dụng cái rìu ***tri kiến*** phá hủy nghiệp. Vì những căm xe đã bị phá hủy như vậy, nên Ngài được gọi *arahanta*, bậc A-la-hán.

iv) Xứng đáng với những đồ cúng dường

- Ngài xứng đáng (*arahati*) với những đồ cúng dường gồm y phục... và với sự tôn kính đặc biệt, vì Ngài là bậc đáng dâng cúng nhất.
- Khi đấng Toàn Thiện ra đời, chư thiên và loài người không cung kính ai khác; Phạm thiên Sahampati cúng dường Ngài chuỗi ngọc lớn như núi Tu-di, và chư Thiên khác cũng cúng dường theo phương tiện của họ, cũng như vua Bimbisāra xứ Magadha và vua xứ Kosala. Và sau khi Thế Tôn bát Niết-bàn, vua Asoka bỏ ra tài sản đến 96 triệu để dựng 84 ngàn ngôi tháp khắp xứ Ấn.
- Với những ví dụ này, Ngài xứng đáng được gọi là A-la-hán.

v) Không có các ác hạnh thầm kín

- Ngài không hành động như những kẻ ngu ở đời, tự khoe thông minh nhưng lại làm ác mà còn bí mật sợ mang tiếng xấu.
- Ngài không có ác hành bí mật (*rahābhāva*) nên được gọi là A-la-hán.

2) Chánh Đẳng Giác (*Sammāsambuddha*)

– ***Vì Ngài đã tự mình chân chánh giác ngộ mọi sự vật:***

Ngài là bậc Chánh đẳng giác vì Ngài đã biết (*buddha*) mọi sự vật một cách chân chánh (*sammā*) và do tự Ngài (*sāmam*).

– ***Ngài là bậc khám phá ra Bốn chân lý:***

Quả vậy, mọi pháp đều được Ngài tự mình chân chánh khám phá, nghĩa là thắng tri các pháp cần phải thắng tri [Bốn chân lý], liễu tri các pháp cần liễu tri [Khổ đế], đoạn tận các pháp cần đoạn tận [Tập đế], chứng đắc các pháp cần chứng đắc [Diệt đế], tu tập các pháp cần tu tập [Đạo đế].

– ***Bốn chân lý soi sáng lên tất cả pháp:***

Ngài tự tìm ra các pháp chính xác theo từng bước một: Con mắt là chân lý về Khổ; khát ái là chân lý về Khổ tập; sự không sinh khởi cả hai pháp ấy là chân lý về Diệt khổ; con đường hay sự hiểu rõ Diệt là chân lý về Đạo diệt khổ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng thế; cũng như 6 ngoại xứ, 6 thức, xúc, thọ....

3) Minh Hạnh Túc

- Ngài *có đủ minh trí và giới hạnh*: *vijjācaraṇasampanno*.

  Minh: có ba loại minh và tám loại minh (gồm sáu thắng trí với tuệ giác và thần thông của thân ý sanh).

  Hạnh: *Cần được hiểu là mười lăm pháp*:

  – Phòng hộ bằng giới
  – Gìn giữ các căn môn
  – Biết vừa đủ trong ăn uống
  – Chánh niệm tỉnh giác
  – 7 thiện pháp (tín, tàm, quí, đa văn, tấn, niệm, tuệ)
  – 4 thiền thuộc sắc giới.

  Nhờ 15 pháp này, vị thánh đệ tử đi đến bất tử, nên gọi là (giới) hạnh.

- Đức Thế Tôn đầy đủ minh và hạnh này, do đó, Ngài được gọi là đấng '***đầy đủ minh và hạnh***', biểu thị cho trí tuệ và từ bi.

4) Thiện Thệ (*sugata*)

- *Ngài được gọi là đấng Thiện Thệ với 4 đặc tính:*

(i) ***Cách đi tốt đẹp*** (*sobhana-gamana*): Cách đi (*gamana*) gọi là 'thệ' (đi qua: *gata*). Cách đi của Thế Tôn là tốt đẹp, thanh tịnh, không lỗi lầm. Đó là thánh đạo, vì nhờ cách đi đó Ngài đã "đi" không vướng mắc, trong chiều hướng an ổn.

(ii) ***Đến nơi tốt đẹp*** (*sundaram thānam gatattā*): Ngài đã đến một nơi tốt lành (*sundara*), nghĩa là đến Niết-bàn bất tử.

(iii) ***Đi đúng pháp*** (*sammāgatattā*): Ngài đã đi (*gata*) một cách đích đáng (*sammā*), không quay trở lại những cấu uế được từ bỏ ở mỗi chặng đường.

(iv) ***Tuyên bố đúng*** (*sammāgadattā*): Ngài công bố (*gadati*) một cách chân chánh (*sammā*); Ngài đã chỉ nói lên lời đáng nói tại nơi chỗ thích đáng.

5) Thế Gian Giải

- ***Biết hết thảy thế gian:*** Ngài là đấng biết rõ thế gian, vì Ngài đã biết thế gian trên mọi phương diện.
- ***Biết ba thế giới:*** Có ba thế giới: các hành, hữu tình và xứ sở
  - *Thế giới các hành*: mọi hữu tình tồn tại nhờ thức ăn" ⇨
  - *Thế giới các hữu tình*: “Thế giới là trường cửu" hay “không trường cửu” ⇨
  - *Thế giới xứ sở*: Thế Tôn biết thế giới về mọi phương diện ⇨

6) Vô Thượng Sĩ

- Không có một người nào cao cả hơn Ngài về những đức tính đặc biệt, không có ai sánh bằng Ngài, do đó Ngài được gọi là đấng không ai trên (Vô thượng sĩ).
- Ngài vượt toàn thế gian về giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến.
- Như đã được nói: *"Ta không thấy trong thế giới với chư thiên, ma, Phạm vương, Sa-môn và Bà-la-môn, với các tiểu vương (princes) và loài người, không một người nào toàn vẹn hơn Ta về giới"*. *"Ta không có thầy, và người như Ta không có trong toàn thế giới"*.

7) Điều Ngự Trượng Phu

- ***Điều phục bất kỳ chúng sanh nào đáng điều phục:*** Ngài dẫn đạo những người đáng được dẫn đạo, nên Ngài là bậc dẫn đạo những người đáng dẫn đạo. Ngài làm cho thuần thục, uốn nắn chúng.
- ***Những kẻ đáng được điều phục:*** Những người, phi nhân và loài vật thuộc nam tánh chưa được điều phục nhưng đáng được điều phục. Chúng đều được Đức Thế Tôn điều phục, an trú vào giới luật và tam quy theo những phương tiện kỷ luật khác nhau.
- ***Điều phục những người đã điều phục:*** Ngài còn điều phục những người đã được điều phục bằng cách tuyên bố sơ thiền... và công bố con đường tiến lên những đạo lộ cao cả hơn đến bậc Dự lưu...

❖ "***Vô thượng sĩ điều ngự trượng phu***" có thể được xem là một mệnh đề. Vì Đức Thế Tôn dẫn đạo những người đáng điều phục ngay trong một thời (giáo hoá) họ có thể đi khắp tám hướng không ngăn ngại (nhờ tám giải thoát). Do đó, Ngài được gọi là "Bậc đạo sư vô thượng của những người đáng điều phục".

8) Thiên Nhơn Sư

- ***Bậc thầy:*** Ngài dạy dỗ bằng phương tiện hiện tại, bằng đời sau, và bằng mục đích tối hậu, tùy trường hợp thích đáng, nên Ngài là bậc Thầy (*satthar*). Như người dẫn đoàn lữ hành qua sa mạc đầy những nguy hiểm, Đức Thế Tôn là bậc dẫn đạo đoàn lữ hành qua khỏi sa mạc sinh tử.
- ***'Của chư thiên và loài người'***: được nói lên để chỉ những kẻ tốt nhất, những kẻ có khả năng, tiến hoá. Đức Thế Tôn còn là đạo sư giáo hoá cả đến loài súc sinh nữa.
- ***Con cóc cũng được làm thiên tử:*** Ngay cả loài súc sinh nhờ nghe diệu pháp của Thế Tôn cũng có thể được lợi lạc, được tái sinh vào một cảnh giới thuận tiện cho sự tiến hoá, với sự thuận lợi này, vào kiếp tái sinh thứ hai hay thứ ba, chúng có thể dự phần vào đạo và quả.

9) Phật

- Ngài là Phật, đấng đã giác ngộ với trí thuộc về quả giải thoát, vì mọi sự có thể biết đã được Ngài biết (*buddha*).
- Hoặc, Ngài đã tự mình khám phá (*bujjhi*) bốn chân lý và giác tỉnh những người khác bốn chân lý ấy, vì những lý do như thế, Ngài được gọi là giác ngộ.
- Để giải thích ý nghĩa này, toàn đoạn văn trong *Niddesa* khởi đầu như sau: “Ngài là đấng tìm ra (*bujjhitar*) những chân lý, cho nên là Giác giả (*buddha*). Ngài là đấng đánh thức chúng sinh, nên Ngài là Giác giả.

10) Thế Tôn

- ***Ý nghĩa***: Thế Tôn (*bhagava*) là danh từ biểu thị sự kính trọng tôn sùng dành cho Ngài, được xem là cao cả nhất trong các chúng sanh, và nổi bật vì những đức tính đặc biệt.
- ***Tên gọi có bốn loại***: (1) ám chỉ giai đoạn của cuộc đời, (2) ám chỉ một đặc điểm, (3) ám chỉ một sở đắc đặc biệt, (4) khởi lên một cách tình cờ.
- ***Tên gọi Thế Tôn***: là tên gọi có ý nghĩa **một sở đắc đặc biệt**, không được tạo bởi hoàng hậu Māyā hay vua Suddhodhana.
- ***Ngài có 6 sở đắc đặc biệt***:
    - 1) May mắn (*bhāgyavā*)
    - 2) Có được sự từ bỏ (*bhaggavā*)
    - 3) Liên hệ đến hạnh phúc (*yutto bhagehi*)
    - 4) Người sở hữu những gì đã được phân tích (*vibhattavā*)
    - 5) Người đã lui tới (*bhattavā*)
    - 6) Đã từ bỏ sự đi vào những cõi hữu (*vanta-gamano bhavesu*).
- Như thế, Ngài là Thế Tôn.

1) May mắn (bhāgyavā)

- 58. Ngài cũng có thể được gọi là Thế Tôn (*Bhagava*) khi đã được gọi là May mắn (*bhāgyavā*) do Ngài đã có may mắn (*bhāgya*) đã đạt đến ba-la-mật về *thí, giới,*... là những điều kiện phát sinh phúc lạc thế gian và xuất thế gian.
- 60. Sự may mắn (*bhāgyavatā*) của Ngài được chứng tỏ bằng sắc thân đủ trăm công đức, và sự tận trừ các lỗi được chứng tỏ bởi tính cách toàn vẹn của pháp thân Ngài. Sự may mắn của Ngài chỉ sự tôn trọng của thế gian; sự dứt trừ lậu hoặc nơi Ngài chỉ sự tôn trọng của những bậc giống như Ngài. May mắn của Ngài được tin cậy của người thế tục, sự từ bỏ lỗi lầm đáng được tin cậy của người xuất gia. Và khi cả hai hạng người này nương tựa nơi Ngài, chúng được cứu vớt khỏi thân khổ và tâm khổ, được cứu giúp cả tài thí lẫn pháp thí, và chúng có thể tìm được cả hai thứ phúc lạc thế gian và xuất thế gian.

2) Có được sự *từ bỏ* (*bhaggavā*)

- Ngài cũng được gọi là Thế Tôn (*bhagavā*) vì Ngài đã được gọi là “có sự từ bỏ" (*bhaggavā*) do những đe dọa (*abhañji*) cả trăm ngàn thứ phiền não, lo lắng và ô nhiễm, được phân loại thành tham, sân, si, thất niệm, vô tàm, vô quý, phẫn hận, khinh bỉ và thống trị, ganh tị và tham lam, lừa dối và gian lận, cứng đầu và tự kiêu, ngã mạn và cao ngạo, khoe khoang và lơ đễnh, khát ái và ngu si, ba bất thiện căn, các loại tà hạnh, ô nhiễm, cấu uế, ảo tưởng, tầm tư duy và những phân biệt, bốn điên đảo, lậu hoặc, triền cái, bộc lưu, hệ phược, thói xấu, khát ái, chấp thủ, năm tâm hoang vu, tâm ách phược, những triền cái và những loại ưa thích, sáu căn và những nhóm khát ái, mười bất thiện nghiệp, 62 tà kiến, 108 lối cư xử thuộc về tham ái -nói tóm lại là năm thứ ma: phiền não ma, ngũ ấm ma, hành nghiệp ma, thiên ma và tử ma.

3) Liên hệ đến hạnh phúc (yutto bhagehi)

- 61. Ngài cũng được gọi là *bhāgavā* (Thế Tôn) vì Ngài liên hệ đến hạnh phúc (*bhagehi yuttattā*).
- *Trong đời, danh từ hạnh phúc được dùng để chỉ sáu thứ:*

1) ***Làm chủ:*** Ngài đã đạt được sự làm chủ tối thượng trên tâm của Ngài.
2) ***Pháp:*** Ngài có đầy đủ pháp thế gian là các thần thông "hiện thân hình thật nhỏ", "làm thân nhẹ bổng"... cũng như pháp xuất thế.
3) ***Danh tiếng:*** Ngài lại có danh tiếng hoàn toàn thanh tịnh được lan truyền khắp ba cõi.
4) ***Vẻ sáng chói:*** Ngài có vẻ sáng chói của tứ chi, toàn vẹn trong mọi vẻ, có thể làm đẹp mắt những người ưa nhìn thấy sắc thân của Ngài.
5) ***Nguyện:*** Ngài có nguyện, nghĩa là phát sinh những thứ cần dùng, bất cứ gì Ngài cần đến và mong ước để tự lợi và lợi tha đều được phát sinh ngay tại chỗ tức khắc cho Ngài dùng.
6) ***Tinh tấn:*** Ngài có sự tinh tấn, nghĩa là chánh tinh tấn, lý do làm cho toàn thể thế gian tôn sùng Ngài.

4) Sở hữu những gì đã được phân tích

- 62. Ngài còn được gọi là *bhagavā* vì Ngài là đấng “sở hữu những gì đã được phân tích" (*vibhattāvà*), như Ngài đã phân tích và thuyết minh các pháp thành ba loại là thiện, ác, vô ký,... hoặc phân tích các pháp thiện,... thành ra những pháp như uẩn, xứ, giới, đế (chân lý), căn, duyên khởi,... hoặc phân tích **Khổ đế** thành những nghĩa như bức bách, hữu vi, đốt cháy, thay đổi. **Tập đế** thành những nghĩa tích luỹ, nguồn gốc, trói buộc, chướng ngại. **Diệt đế** thành những nghĩa giải thoát, viễn ly, vô vi, bất tử, và **Đạo đế** thành những nghĩa lối ra, nguyên nhân thấy rõ, và sự ưu thắng. Ngài đã phân tích, đã khai thị, đã chỉ ra những ý nghĩa ấy.

5) Người đã tới lui (*bhattavā*)

- 63. Ngài có thể được gọi là *bhagavā* (Thế Tôn) khi Ngài được gọi là một người “đã lui tới” (*bhattavā*) do Ngài đã lui tới (*bhaji*), đã thân cận, đã thường xuyên thực hành những pháp thế gian và xuất thế gian, siêu nhân, như ba trú là *thiên trú*, *phạm trú* và *thánh trú*; ba thứ viễn ly là *thân viễn ly*, *tâm viễn ly*, và *hữu viễn ly*; ba giải thoát là *không*, *vô tướng*, *vô nguyện*, và những thứ khác nữa.

6) Từ bỏ đi vào những cõi hữu

- 64. Ngài có thể được gọi là *bhagavā* (Thế Tôn) vì Ngài được gọi là đấng “đã từ bỏ sự đi vào các loại hữu" (*vantagamano bhavesu*), vì đối với ba loại hữu (*bhava*), sự đi vào (*gamana*), hay nói cách khác, khát ái, đã được Ngài từ bỏ (*vanta*). Âm *bha* từ chữ *bhava*, âm *ga* từ chữ *gamana*, và âm *va* từ chữ *vanta* với chữ *a* dài ra, làm thành *bhagavā*.

Đạo lộ tu tập "niệm Phật"

- ***Loại trừ năm triền cái:*** Khi thiền giả nhớ lại những đức đặc biệt của Phật theo cách như sau: "Vì lý do này Đức Thế Tôn là bậc A-la-hán... vì lý do này Ngài là Thế Tôn", thì: "Ngay khi ấy hành giả không bị ám ảnh bởi tham, sân, hay si, tâm có được sự ngay thẳng, nhờ cảm hứng từ đấng toàn thiện" (A. iii, 285).
- ***Đạt được năm thiền chi:*** Khi hành giả dẹp trừ những triền cái bằng cách ngăn ngừa những ám ảnh của tham..., thì:
  - ***Tầm*** và ***tứ*** sinh với một khuynh hướng thiên về những đức tính đặc biệt của đấng Giác Ngộ.
  - Khi tầm và tứ tiếp tục như vậy, thì ***hỉ*** khởi lên nơi hành giả.
  - Với tâm có hỉ, là nguyên nhân gần, sự rối loạn của thân và tâm được an tĩnh nhờ khinh an, ***lạc*** (thân lạc và tâm lạc) khởi lên.
  - Khi có lạc, tâm hành giả, với những đức tính đặc biệt của Thế tôn làm đối tượng, trở nên định tĩnh và cuối cùng các ***thiền chi*** khởi cùng một loạt.
- Nhưng do tính cách sâu xa của những đặc tính về đấng Giác Ngộ, hoặc vì bận tâm tưởng niệm những đặc tính thuộc nhiều loại, nên hành giả chỉ đạt được định cận hành, không đạt định an chỉ. Cận hành định ấy được gọi là "niệm Phật", vì nó khởi lên nhờ tưởng niệm những đức tính đặc biệt của Thế Tôn.

Lợi ích của Niệm Phật

Khi tỷ-kheo chú tâm đến việc tưởng niệm đấng Giác Ngộ như vậy:

a) Vị ấy cung kính tôn trọng đức Đạo sư, đạt đến sự viên mãn đức tin, chánh niệm, trí tuệ và công đức.

b) Vị ấy có nhiều hạnh phúc và an lạc, chinh phục được sự sợ hãi khủng bố.

c) Vị ấy cảm giác như mình đang sống trước mặt đấng Đạo sư.

d) Thân xác vị ấy khi trú trong tưởng niệm những đức tính đặc biệt của Phật, trở thành đấng tôn trọng như một điện thờ Phật.

e) Tâm vị ấy hướng về chư Phật.

f) Khi gặp một cơ hội phạm giới, vị ấy cảm thấy tàm quý, như thể đang đứng trước mặt đấng Đạo sư.

g) Dù cho hành giả không thâm nhập được gì cao siêu, thì ít nhất cũng tiến đến một cảnh giới an lạc.

II. NIỆM PHÁP

KHỞI TÂM TU TẬP "NIỆM PHÁP":

- *Một thiền giả muốn tu tập đề mục niệm pháp, hãy đi vào độc cư và tưởng niệm những đức tính đặc biệt của Pháp như sau:*

"Pháp" được Đức Thế Tôn khéo giảng, tự chứng ngay hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, có hiệu năng hướng thượng, được người có trí chứng biết" (*M. i, 37; A. iii, 285*).

KHẢO SÁT Ý NGHĨA

- *Giải thích ý nghĩa:*
    1. Khéo giảng
    2. Thiết thực hiện tại
    3. Không thuộc thời gian
    4. Đến để mà thấy
    5. Có khả năng hướng thượng
    6. Được người trí chứng biết
- *Kết quả tu tập*

1. Khéo giảng

- ***a. Pháp của kinh điển:***

  Pháp thuộc kinh điển được khéo thuyết giảng, vì

  (i) tốt đẹp ở chặng đầu, chặng giữa và chặng cuối, và nó tuyên bố (ii) đời sống phạm hạnh (iii) hoàn toàn viên mãn, (iv) trong sạch với đầy đủ (v) ý nghĩa và (vi) chi tiết.

  b. Pháp xuất thế gian:

  Pháp xuất thế gian là khéo thuyết giảng, vì

  (i) Đạo lộ phối hợp với niết-bàn

  (ii) Con đường Trung đạo

1a. Pháp của kinh điển:

(i) 'Tốt đẹp ở chặng đầu, chặng giữa, và chặng cuối' :

– *Một bài kệ, một đoạn kinh*: dẫn nhập - nội dung - kết luận.

– *Một bài kinh*: Nơi chốn và lý do (duyên khởi) - Thích hợp với thính giả - Làm khởi tín tâm.

– *Toàn bộ giáo lý*: Giới - Định, tuệ, đạo, quả - Niết-bàn. Hoặc, Giới và định - Tuệ và đạo - Quả và niết-bàn. Hoặc, Sự khám phá tốt đẹp của Đức Phật - Tính chất khéo điều hòa của pháp - Đạo lộ tốt mà Tăng-già đã đi vào.

– Nghe pháp trừ khử được những triền cái - Thực hành pháp giúp có lạc khinh an và tuệ - Pháp ấy đem lại đạo và quả.

1(ii)-(vi) Pháp của kinh điển:

- ***(ii)*** ‘***Đời sống phạm hạnh***’: nghĩa là sống phạm hạnh theo giáo lý và đời sống phạm hạnh thuộc đạo lộ.
- ***(iii)*** ‘***Hoàn toàn viên mãn***’: vì có đến 5 pháp uẩn liên tục là giới uẩn, định uẩn, tuệ uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát tri kiến uẩn. ‘Hoàn toàn viên mãn’ vì không có điều gì có thể thêm.
- ***(iv)*** ‘***Trong sạch***’: vì không có điều gì có thể bớt, vì không có khuyết điểm, vì nó tồn tại cho mục đích vượt qua bộc lưu luân hồi sinh tử, và không liên hệ đến những chuyện thế tục.
- ***(v)*** ‘***Có ý nghĩa***’: Đời sống phạm hạnh ‘có ý nghĩa’ vì được người trí giảo nghiệm, vì có mục đích sâu xa. Pháp có ý nghĩa vì nó đem lại quả chứng nhờ thực hành đạo lộ.
- ***(vi)*** ‘***Có chi tiết***’: vì gợi niềm tin nơi người thường, vì danh tự rõ ràng, đem lại sự đa văn nhờ nắm vững kinh điển.

1b. Pháp xuất thế gian:

(i) 'Đạo lộ phù hợp với Niết-bàn' :

- Pháp xuất thế gian là "khéo thuyết giảng" vì đạo lộ phù hợp với Niết-bàn và Niết-bàn phù hợp với đạo lộ: "Con đường đưa đến Niết-bàn đã được Thế Tôn tuyên bố một cách thích đáng cho các đệ tử, Niết-bàn và đạo lộ phù hợp nhau" (D. ii, 225).

(ii) 'Con đường Trung đạo, Sa-môn quả và Niết-bàn':

- Thánh đạo, con đường Trung đạo không thiên cực đoan nào, là được "khéo thuyết giảng".
- Các quả sa-môn cũng được "khéo thuyết giảng" khi được công bố là những cấu uế đã thanh tịnh.
- Niết-bàn cũng được khéo giảng khi được công bố bản chất là thường, bất tử, nơi trú ẩn, chỗ nương tựa v.v...

Bởi vậy, pháp xuất thế cũng được "khéo thuyết giảng".

2. Thiết thực hiện tại

- Thánh đạo là 'thiết thực hiện tại' vì có thể thấy được bởi một con người cao quý khi đã xa lìa tham dục... nơi bản thân:
- "Này Bà-la-môn, khi một người bị nhuốm bởi tham, bị khuất phục, tâm bị ám ảnh bởi tham, thì nó suy nghĩ hại mình, hại người, hại cả hai, và cảm thọ đau khổ về tâm. Khi tham đã được trừ diệt, nó không suy nghĩ hại mình, hại người, hại cả hai, và không cảm thọ đau khổ về tâm. Đây là pháp thiết thực hiện tại" (*A. i, 156*).
- 77. Lại nữa, pháp xuất thế có chín loại cũng là thiết thực hiện tại vì khi một người đã đạt đến đấy, thì pháp ấy tự người này thấy được nhờ tri kiến thẩm sát, không cần nương tựa người khác.
- Pháp chinh phục người ta nhờ tính cách có thể thấy được kết quả ngay trong hiện tại, nên gọi là thiết thực hiện tại. Thánh đạo chinh phục được những phiền não nhờ thấy đúng. Thánh quả và Niết-bàn cũng chinh phục phiền não nhờ chánh kiến làm nhân.
- 79. Hoặc, cũng có thể giải thích rằng, vì pháp xuất thế làm ngưng cái vòng khủng khiếp nghiệp v.v... ngay khi nó vừa được trông thấy nhờ tuệ thể nhập, nên pháp là thiết thực hiện tại vì đáng được thấy.

3) Không thuộc thời gian

- Pháp ấy không có chậm trễ trong việc đem lại kết quả, nên gọi là không có thời gian (*akāla*). Nghĩa là, thay vì triển hạn một thời gian dài lâu, năm, bảy ngày, mới cho kết quả, thì pháp đem lại kết quả ngay tức thì.
- Hoặc, cái gì cần một thời gian để cho kết quả là pháp thế gian về thiện (nghiệp). Nhưng pháp này thì không cần thời gian vì kết quả của nó đến ngay, nên gọi là không thuộc thời gian. Điều này được nói về đạo lộ hay con đường.

4) Đến để mà thấy

- Pháp này đáng mời gọi người ta thẩm sát (*ehipassa-vidhi*) như sau: “Hãy đến đây mà thấy pháp này" (*ehi passa imam dhammam*), cho nên gọi là “đến để mà thấy" (*ehipassika*).
- Tại sao Pháp đáng được mời gọi đến để mà thấy? Vì đã được tìm thấy và vì thanh tịnh.* Pháp xuất thế với chín thành phần thực sự đã được tìm thấy và thuần tịnh như trăng rằm trong bầu trời không mây, như ngọc mani trên tấm vải sạch.
- Bởi thế, Pháp đáng mời gọi ta “đến mà thấy”.

5) Có khả năng hướng thượng

- Pháp này với bốn đạo, bốn quả là đáng dụ dẫn, nói cách khác, đáng khơi dậy trong tâm ta bằng cách tu tập, dù cho y phục hay đầu của ta đang bốc cháy (*A iv, 520*). Do đó, pháp này gọi là 'dẫn tới trước hay hướng thượng' (*opanayika*).
- Điều này có hiệu quả cho tám pháp xuất thế vô vi. Nhưng pháp vô vi đáng làm đối tượng của tâm, nên cũng là "dẫn tới trước", nghĩa là đáng được xem như chỗ trú ẩn của ta bằng cách chứng nhập.
- Hoặc cái dẫn dụ (*upaneti*) đến Niết-bàn chính là Thánh đạo. Lại nữa, cái có thể đưa đến giác ngộ là Pháp gồm quả và Niết-bàn.

6) Được người trí chứng biết

- Pháp ấy có thể được chứng nghiệm bởi tất cả người trí, khởi đầu từ hạng "lợi tuệ" (*A. ii, 135*) tự chứng lấy như sau: "Đạo ta đã tu, quả ta đã đạt, diệt ta đã chứng". Pháp này không thể được thấy như người ta thấy vật trang sức trên đầu người khác, mà chỉ được thấy trong tự tâm mình, nghĩa là chỉ có người có trí kinh nghiệm, không phải lãnh vực của kẻ ngu.
- Lại nữa, Pháp này khéo thuyết giảng vì nó thiết thực hiện tại. Nó thiết thực hiện tại, vì không bị triển hạn. Nó không bị triển hạn vì mời gọi sự thẩm sát. Và cái mời gọi thẩm sát là hướng tới trước.

Đạo lộ tu tập “Niệm Pháp”

- ***Loại trừ năm triền cái:*** Khi thiền giả nhớ lại những đức đặc biệt của Pháp như vậy thì: “Ngay khi ấy hành giả không bị ám ảnh bởi tham, sân, hay si, tâm được ngay thẳng nhờ cảm hứng từ Pháp" (A. iii, 285).
- ***Đạt được năm thiền chi:*** Khi hành giả đoạn trừ những triền cái, thì những thiền chi khởi lên trong một tâm sát na. Nhưng do tính cách sâu xa của những đức tính đặc biệt của Pháp, hoặc vì hành giả bận tâm tưởng niệm nhiều đặc tính khác, nên thiền vị ấy đạt được chỉ là cận hành định, không đạt đến định an chỉ.

Lợi ích của Niệm Pháp

- *Khi tỷ-kheo chú tâm đến việc tưởng niệm Pháp như vậy:*

    a) Vị ấy tôn trọng cung kính đấng đạo sư, tôn trọng pháp và đạt đến viên mãn về tín v.v...

    b) Vị ấy được nhiều hạnh phúc và hân hoan.

    c) Vị ấy nhiếp phục được sợ hãi khủng bố, có khả năng nhẫn khổ, cảm thấy như thể đang sống với pháp hiện tiền.

    d) Và thân của hành giả, khi an trú trong sự niệm pháp, trở thành vật đáng tôn trọng như một điện thờ.

    e) Tâm vị ấy hướng đến sự thành tựu Pháp vô tỷ.

    f) Gặp phải lúc phạm giới, hành giả có ý thức tàm quí mãnh liệt.

    g) Và nếu hành giả không thâm nhập được cái gì cao siêu hơn, thì ít nhất cũng tiến đến một cõi an lạc.

III. NIỆM TĂNG

- *Một người tu tập **Niệm Tăng**, nên đi vào độc cư để tưởng niệm những đức tính đặc biệt của Đoàn thể Thánh chúng như sau:*

  “Chúng đệ tử của Thế Tôn đã đi vào thiện đạo, trực đạo, chân đạo, chánh đạo, nghĩa là bốn đôi tám vị. Chúng đệ tử này của Thế Tôn đáng được cúng dường, cung kính, chắp tay chào, là phước điền vô thượng của thế gian” (A. iii, 286).

Khảo sát ý nghĩa (1)

- ***Đi vào thiện đạo*** (*supaṭipanna*) có nghĩa là hoàn toàn nhập đạo, và đó là đạo lộ chân chính (*sammā-paṭipadā*), con đường không thể đảo lộn, con đường phù hợp với chân lý, con đường không có đối lập, con đường được điều hoà bởi Pháp.
- Chúng đệ tử này nghe (*suṇanti*) một cách chăm chú lời dạy của đấng Thế Tôn nên gọi là ***Thanh văn*** (*sāvaka*).
- ***Chúng đệ tử*** là hội chúng những thanh văn này, cùng chung giới và kiến. Đạo lộ ấy là trực đạo, không bị cong, không có móc, không khuất khúc, gọi là thánh đạo, chân đạo, chánh đạo, bởi vì nó phù hợp (với chân lý).

Khảo sát ý nghĩa (2)

- ***Trực đạo*** là con đường trung đạo, tránh hai cực đoan, con đường từ bỏ những lỗi của thân cong và lời cong.
- ***Chân đạo*** vì Niết-bàn được gọi là "chân thật" và vì lấy Niết-bàn làm mục tiêu.
- ***Chánh đạo*** là con đường của những người đáng được tôn trọng.
- ***Bốn đôi***: người có đạo thứ nhất và quả thứ nhất là một đôi, theo cách ấy có bốn đôi.
- ***Tám vị***: kể từng vị thì đứng ở đạo lộ thứ nhất là một người, đứng ở quả vị thứ nhất là một người, như vậy có tám vị.
- ***Đáng cúng dường***: Những gì đáng được mang (*āgantvā*) và cho (*hunitabha*) là một tặng vật, có nghĩa là những vật được mang từ xa đến và tặng cho những người có giới hạnh. Chúng tăng đáng được những tặng vật vì làm cho tặng phẩm có kết quả lớn, nên gọi là đáng cúng dường (*āhuneyya*).

Khảo sát ý nghĩa (3)

- ***Xứng đáng sự mời thỉnh*** (*pāhuneyya*): Không có đối tượng nào xứng đáng nhận sự thỉnh mời hơn là tăng chúng, vì Tăng là những vị được gặp trong thời gian giữa hai vị Phật, và Tăng có những đức tính hoàn toàn đáng mến mộ.
- ***Đồ cúng dường*** (*dakkhiṇa*) là tặng phẩm được cúng vì lòng tin ở đời sau. Chúng tăng đáng được cúng dường vì làm thanh tịnh đồ cúng dường bằng cách đem lại quả báo lớn.
- ***Chắp tay chào****:* Chúng tăng xứng đáng cho toàn thể thế gian kính chào bằng cách chắp tay lên đầu cho nên gọi là đáng tôn trọng kính chào.
- ***Là ruộng phước vô thượng của thế gian***: một nơi không có gì trong thế gian sánh bằng, để gieo trồng phước đức. Vì các loại công đức thế gian đưa đến an lạc và hạnh phúc đều y cứ vào thánh chúng để tăng trưởng nên chúng tăng là "ruộng phước vô thượng của thế gian".

*(Phần **tu tập** của Niệm Tăng giống các tùy niệm trước.)*

Lợi ích của Niệm Tăng

- *Khi tỷ-kheo chuyên tâm tu tập Niệm tăng này, thì*

a) Vị ấy có thái độ cung kính, tôn trọng đối với chúng tăng.

b) Vị ấy được sự viên mãn về *tín*...

c) Vị ấy có nhiều hạnh phúc an lạc.

d) Vị ấy nhiếp phục được sợ hãi và khủng bố.

e) Vị ấy có khả năng nhẫn khổ.

f) Vị ấy cảm thấy mình đang sống với sự hiện diện của chúng tăng.

g) Và thân thể của vị ấy trở thành đáng tôn trọng như một ngôi nhà làm lễ bố tát, ở đó chư tăng tụ hội.

h) Tâm vị ấy hướng đến sự thành đạt những đức tính đặc biệt của tăng.

i) Khi gặp phải cơ hội phạm giới, vị ấy liền có ý thức tàm quý mãnh liệt như đang ở trước mặt chúng tăng.

j) Và nếu hành giả không lên được địa vị nào cao hơn, thì ít nhất cũng hướng đến một cảnh giới hạnh phúc.

IV. NIỆM GIỚI

- Người muốn tu tập ***Niệm Giới***, nên đi vào độc cư để tưởng niệm đến những loại giới khác nhau của chính mình trong những đức tính đặc biệt của chúng như không bị rách... như sau:

  “Quả vậy, các loại giới khác nhau của ta đều không bị rách, bị vá, bị lủng, bị ố, bị lốm đốm, giải thoát, được người trí khen ngợi, không liên hệ, đưa đến định" (A. iii, 286).

- Cư sĩ niệm giới tại gia, tỷ-kheo-niệm giới xuất gia.

Ý nghĩa của Giới (1)

a) Dù giới tại gia hay xuất gia, nếu không bị phá hủy ở chặng đầu hay chặng cuối, không bị rách như miếng giẻ rách ở hai đầu, thì giới ấy gọi là ***không bị rách***.

b) Nếu không một học giới nào bị phá ở chặng giữa thì gọi là giới ***không bị lủng***.

c) Khi học giới không bị vi phạm hai ba lần liên tiếp, gọi là giới ***không bị vá***.

d) Khi giới không bị phá cùng khắp, cách nhau từng thời khoản, thì gọi là giới ***không bị lốm đốm***.

Hoặc, nói chung, giới không bị rách, bị lủng, bị vá, bị lốm đốm, là khi giới ấy không bị tổn hoại do bảy hệ luỵ thuộc về dục tính, và do sân, hận, cùng những ác pháp khác (*xem 59*).

Ý nghĩa của Giới (2)

- Chính những giới ấy là:
  - ***e)*** ***Giải thoát*** vì chúng giải toả khỏi sự nô lệ cho dục ái.
  - ***f)*** ***Được người trí tán thán*** vì được những bậc trí như đấng Giác ngộ khen ngợi.
  - ***g)*** ***Không liên hệ*** (*aparāmaṭṭhattā*) vì chúng không liên hệ với dục và tà kiến, hoặc không thể bị hiểu lầm rằng "Có khuyết điểm này trong giới của chư vị".
  - ***h)*** ***Đưa đến định*** vì hỗ trợ cho định cận hành và định an chỉ, hoặc cho định thuộc đạo và định thuộc quả.

*****

*(Còn **đạo lộ tu quán** và **lợi ích** của giới đều giống với các tùy niệm kia)*

Lợi ích của Niệm Giới

- Khi chuyên tâm vào việc niệm giới, thì
  a) Vị ấy có sự tôn trọng đối với học pháp.
  b) Vị ấy sống hoà hợp với những bạn đồng phạm hạnh.
  c) Vị ấy chuyên cần chào đón.
  d) Vị ấy không sợ tự mình trách cứ mình v.v...
  e) Vị ấy thấy sự sợ hãi trong những lỗi nhỏ.
  f) Vị ấy đạt đến viên mãn về tín,...
  g) Vị ấy có nhiều hạnh phúc an lạc.
  h) Và dù không đạt đến quả vị gì cao hơm ít nhất vị ấy cũng hướng đến một thiện thú.

V. NIỆM THÍ

- *Muốn tu tập **Niệm Thí** nên chuyên bố thí một cách tự nhiên, thường cho và san sẻ. Khởi đầu, nên có quyết định:*

"Từ nay trở đi, lúc nào có người hiện diện để nhận, thì ta sẽ không ăn dù chỉ một miếng, nếu không bố thí một cái gì trước đó".

- *Khi đã nắm được tướng trong việc này, hành giả nên đi vào độc cư và tưởng niệm đến sự bố thí của mình như sau:*

"Thật sự là lợi lạc cho ta, thật là lợi ích lớn cho ta, rằng trong cuộc đời bị ám ảnh bởi ô nhiễm của lòng tham, ta an trú với tâm không bị ô nhiễm bởi tham. Ta bố thí một cách rộng rãi, bàn tay rộng mở, thích thú trong sự từ bỏ, mong được kẻ khác yêu cầu và vui mừng được cho được san sẻ" (A. iii, 287).

Khảo sát ý nghĩa (1)

- ***Thật là lợi lạc cho ta***: Ta nhất định được những lợi lạc của người bố thí mà Đức Thế Tôn đã khen ngợi: "Người cho mạng sống thì sẽ được mạng sống cõi trời hoặc cõi người" và "Một người thường bố thí thì được nhiều người lui tới và mến mộ"...
- ***Thật là lợi ích lớn cho ta***: lợi ích lớn là ta đã được giáo pháp, được thân người, lại được an trú với tâm không ô nhiễm vì xan tham.... vui thích bố thí và san sẻ.
- ***Trong cuộc đời bị ám ảnh bởi ô nhiễm của lòng tham***: là giữa những chúng sanh có tham tràn ngập. ***Cuộc đời***: chúng sanh, có nghĩa đã được sinh ra. Tham có đặc tính là không thể chịu nổi sự san sẻ hạnh phúc cho người khác.

Khảo sát ý nghĩa (2)

- ***Ta an trú với tâm không bị ô nhiễm bởi tham***: tâm không có tham và những ô nhiễm khác như sân, si,... Trong trường hợp này, ý nghĩa là "Ta sống vượt qua tham" (sân, si,...).
- ***Bố thí một cách rộng rãi***: rộng rãi trong sự bố thí.
- ***Với bàn tay rộng mở***: với những bàn tay thanh tịnh, luôn luôn rửa sạch để cho tặng quà một cách cẩn trọng bằng chính tay mình.
- ***Ta thích thú trong sự từ bỏ***: là thích thú trong việc chuyên tu hạnh xả ly.
- ***Mong được người khác yêu cầu***: nghĩa là tập làm quen với sự được xin nhờ cho những gì người khác xin.
- ***Vui mừng được cho, được san sẻ***: có nghĩa là vị ấy suy nghĩ như sau: "Ta đem cho và san sẻ những gì ta dùng, và ta thích cả hai điều ấy.

Lộ trình tu tập và lợi ích của niệm Thí

- ***Lộ trình tu tập***: giống với các tùy niệm khác, như không bị ám ảnh bởi tham, cũng như loại trừ 5 triền cái, chứng 5 thiền chi và đắc được định cận hành.
- ***Lợi ích của niệm Thí:***

a) Khi tỷ-kheo chuyên tâm tưởng niệm về bố thí, vị ấy đâm ra ưa bố thí,

b) Thích sự vô tham,

c) Hành xử phù hợp với tâm từ, vô úy.

d) Có nhiều hạnh phúc an lạc.

e) Tối thiểu cũng hướng đến một cảnh giới an lạc.

VI. NIỆM THIÊN

- *Muốn tu tập **Niệm Thiên**, cần phải có những đức tính đặc biệt về tín, giới, văn, thí và tuệ, với chư thiên làm chứng như sau:*

"Có chư thiên thuộc cõi Tứ thiên vương thiên, chư thiên thuộc cõi Tam thập tam, Dạ-ma thiên, Đâu-suất thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa tự tại thiên, Phạm chúng thiên, có những chư thiên cao hơn thế nữa.

Và chư thiên chúng này có đức tin rằng, sau khi mạng chung ở cõi này, họ sẽ tái sinh ở cõi kia, và đức tin ấy cũng có nơi ta. Và chư thiên chúng ấy có *giới*... *đa văn*... *bố thí*... *trí tuệ*, cho nên khi mạng chung ở cõi này thì tái sinh ở cõi kia, và *trí tuệ* ấy cũng có nơi ta" *(A. iii, 287)*.

Lộ trình tu tập

- Mục đích là để chứng minh rằng những đức tính đặc biệt về ***tín***, ***giới***, ***văn***, ***thí***, ***tuệ*** nơi chính mình cũng là tín,... nơi chư thiên, lấy chư thiên làm chứng, như Luận có nói: "Vị ấy tưởng niệm những đức tính đặc biệt của mình, lấy chư thiên làm chứng".
- Khi hành giả niệm tín,... của chư thiên, rồi niệm những đức ấy nơi chính mình thì "Tâm hành giả không bị dục tham, sân, si ám ảnh, được chánh trực, vì được cảm hứng từ chư thiên".
- Khi hành giả đã dẹp được những triền cái..., những thiền chi khởi lên trong một tâm sát-na.
- Nhưng do tính cách sâu xa của những đức tính... hoặc vì tâm hành giả bận tưởng niệm nhiều đức đặc biệt, nên chỉ đạt cận hành định, không đắc định an chỉ.

Lợi ích của niệm Thiên

- Khi một tỷ-kheo chuyên tâm tu tập niệm thiên:
  - Vị ấy được chư thiên thương tưởng,
  - Có niềm tin sâu xa hơn,
  - Có nhiều hạnh phúc an lạc.
  - Ít nhất cũng hướng đến một cảnh giới tốt đẹp.

Người thực sự có trí
Thì việc làm thường xuyên
Là tưởng niệm chư thiên
Nhiều quyền năng an lạc.